

Số: 121/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh sách việc thi hành án dân sự trọng điểm năm 2018

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự trực thuộc Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 907/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự quy định về tiêu chí xác định việc thi hành án dân sự trọng điểm;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Thống kê, Quản lý dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin Tổng cục Thi hành án dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh sách 1.269 việc thi hành án dân sự trọng điểm năm 2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Tổng cục, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Tiến Dũng (để b/c);
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để biết);
- Lưu: VT, TrT.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Sơn

| | | | | | | | | | | | |
|----|-------------|----|---|----|---|----|---|---|----|---|----|
| 31 | Hưng Yên | 37 | 0 | 0 | 0 | 6 | 0 | 0 | 6 | 0 | 25 |
| 32 | Khánh Hòa | 34 | 2 | 0 | 7 | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 | 21 |
| 33 | Kiên Giang | 5 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 |
| 34 | Kon Tum | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 35 | Lai Châu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 36 | Lâm Đồng | 5 | 0 | 1 | 1 | 1 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 37 | Lạng Sơn | 2 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 38 | Lào Cai | 9 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 8 |
| 39 | Long An | 31 | 0 | 26 | 0 | 1 | 0 | 3 | 0 | 0 | 1 |
| 40 | Nam Định | 24 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 19 | 0 | 3 |
| 41 | Nghệ An | 82 | 7 | 1 | 2 | 19 | 5 | 0 | 1 | 0 | 47 |
| 42 | Ninh Bình | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 43 | Ninh Thuận | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 44 | Phú Thọ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 45 | Phú Yên | 70 | 0 | 19 | 6 | 8 | 1 | 0 | 2 | 0 | 34 |
| 46 | Quảng Bình | 7 | 0 | 0 | 1 | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 2 |
| 47 | Quảng Nam | 10 | 0 | 0 | 0 | 6 | 0 | 1 | 0 | 0 | 3 |
| 48 | Quảng Ngãi | 13 | 0 | 1 | 1 | 6 | 0 | 0 | 2 | 0 | 3 |
| 49 | Quảng Ninh | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 |
| 50 | Quảng Trị | 9 | 0 | 1 | 0 | 1 | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 |
| 51 | Sóc Trăng | 12 | 1 | 1 | 3 | 2 | 0 | 0 | 4 | 0 | 1 |
| 52 | Sơn La | 7 | 0 | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | 1 | 0 | 3 |
| 53 | Tây Ninh | 13 | 0 | 2 | 0 | 2 | 6 | 0 | 1 | 0 | 2 |
| 54 | Thái Bình | 9 | 0 | 0 | 1 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 6 |
| 55 | Thái Nguyên | 38 | 0 | 1 | 7 | 2 | 3 | 0 | 5 | 4 | 16 |
| 56 | Thanh Hóa | 51 | 4 | 4 | 1 | 9 | 0 | 0 | 1 | 0 | 32 |
| 57 | Tiền Giang | 6 | 0 | 0 | 2 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

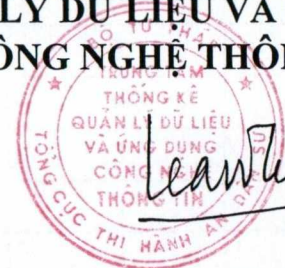
| | | | | | | | | | | | |
|----|----------------|-----|---|---|-----|---|---|---|----|---|----|
| 58 | Trà Vinh | 199 | 3 | 4 | 126 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 62 |
| 59 | Thừa Thiên Huế | 46 | 1 | 0 | 5 | 6 | 0 | 0 | 7 | 1 | 26 |
| 60 | Tuyên Quang | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 |
| 61 | Vĩnh Long | 24 | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | 0 | 10 | 0 | 11 |
| 62 | Vĩnh Phúc | 4 | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 63 | Yên Bái | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Đại Dương

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THỐNG KÊ,
QUẢN LÝ DỮ LIỆU VÀ ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Lê Anh Tuấn